

## BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG SỐNG ĐỐI TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA

(*Trò hợp làng Trung Kính Thợng, phờng Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội*)

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

### 1. Đặt vấn đề

Từ năm 1995, khu vực nội thành Thủ đô Hà Nội đợc mở rộng trên cơ sở chuyển một bộ phận lớn các xã ở các huyện ngoại thành thành phờng để thành lập 5 quận mới (Cầu Giấy, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàng Mai và Long Biên). Đây là xu hớng chính của quá trình đô thị hóa ở Thủ đô Hà Nội cũng như ở các thành phố lớn của nước ta hiện nay. Xu hớng này đã và đang có những tác động tích cực, song cũng gây ra nhiều bất cập cho đời sống dân cư của các làng xã đợc chuyển thành phờng trên nhiều phương diện: kinh tế, xã hội, văn hoá và lối sống mà những vấn đề “nóng bỏng” nhất là sự biến đổi nhanh chóng cảnh quan môi trường sống của các làng xã theo chiều hớng không đợc qui hoạch; sự chuyển đổi nghề nghiệp của dân bị thu hồi đất; năng lực quản lý cán bộ của các địa phương; việc bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể... cần đợc nghiên cứu thấu đáo.

Tuy nhiên, đến nay, các nghiên cứu về vấn đề này vẫn ch- a nhiều. Một số dự án, đề tài nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân đã công bố trong thời gian qua chủ yếu xem xét các vấn đề về đô thị hóa ở khu vực nội thành cũ; còn khu vực mới đợc chuyển thành nội thành mới chỉ đợc sơ bộ qua một số công trình khảo sát xã hội học như đề tài *Biến đổi kinh tế xã hội ở vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hoá* (Nguyễn Hữu Minh chủ nhiệm, 2003); “*Biến đổi của một làng nông*

*ngiệp ven đô trong quá trình đô thị hoá*” giới thiệu về những thay đổi của xã Phú Thọ, quận Tây Hồ sau khi chuyển thành phờng (Ngô Văn Anh, 1998). Đặc biệt, công trình *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu, điều tra quá trình đô thị hoá từ làng - xã thành phờng của Hà Nội, những tồn tại và các giải pháp khắc phục* do UBND thành phố Hà Nội, Sở Khoa học công nghệ và môi trường thực hiện, nghiên cứu về sự chuyển đổi từ làng, xã thành phờng, đối góc độ quản lý hành chính (UBND thành phố Hà Nội, 2001). Có thể nói, đến nay vấn đề những biến đổi về xã hội và văn hoá ở các làng thuộc các xã đợc chuyển đổi thành phờng trong thời gian gần đây ch- a đợc quan tâm nghiên cứu đối góc độ Dân tộc học/Nhân học.

Mong muốn góp phần vào việc nghiên cứu trên đây, chúng tôi khảo sát sự biến đổi về các mặt tại một số phờng vốn là các xã ở vùng ngoại thành trước đây và bàn đến một khía cạnh nhỏ: *Biến đổi về môi trường tại làng Trung Kính Thợng, phờng Trung Hòa, quận Cầu Giấy.*

### 2. Biến đổi môi trường sống của làng Trung Kính Thợng đối tác động của đô thị hóa

#### 2.1. Vài nét về làng Trung Kính Thợng

Làng Trung Kính Thợng nằm bên bờ phải sông Tô Lịch, phía Bắc làng giáp phờng Yên Hoà, phía Nam giáp phờng

Nhân Chính, phía Tây giáp xã Mễ Trì (huyện Từ Liêm), phía Đông (bên kia sông Tô Lịch) là địa phận hai phường Láng Thượng và Láng Hạ.

Làng này vốn là bộ phận gốc của làng Trung Kính, tên Nôm là *làng Giàn*, tên chữ là Kính Chủ nên còn gọi là *Giàn Kính Chủ*. Từ làng Kính Chủ, không rõ từ bao giờ đã chia thành hai làng Trung Kính Thượng và Trung Kính Hạ. Đầu thế kỷ XIX, cả hai làng nằm trong xã Trung Kính thuộc tổng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây (từ năm Minh Mệnh thứ 12 - Tân Mão, 1831 thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội; từ năm 1902, thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông).

Năm 1949, xã Trung Kính nhập thêm làng Hòa Mục thành xã Trung Hòa. Năm 1961, xã thuộc huyện Từ Liêm. Từ ngày 1/9/1997, theo Nghị định số 74/CP ngày 22/11/1996 của Chính phủ về việc thành lập hai quận Thanh Xuân và Cầu Giấy, toàn bộ xã Trung Hòa được đổi thành phường Trung Hòa thuộc quận Cầu Giấy.

Dân làng Trung Kính Thượng xưa kia chủ yếu làm ruộng, cùng với làng Hạ nổi tiếng là vùng nhiều lúa gạo của huyện Từ Liêm xưa (“*Lúa làng Giàn, quan làng Vẽ*”, hay “*Lúa làng Giàn, quan làng Mục*”). Dân làng còn làm hàng dệt, hàng sạ và hàng vòng, nên có thu nhập ổn định. Thời kỳ đổi mới, các ngành nghề thủ công nghiệp phát triển mạnh cho thị trường trong nước và xuất khẩu, làm tăng hàng, dưa tre, cũng rất phát triển. Những năm 1995 - 1996, nhiều hộ có từ 10 đến 15 khung dệt, thu nhập 20 - 30 triệu đồng/năm (Ban Chấp hành Đảng bộ phường Trung Hòa, 2005, tr. 105 - 106).

Trước khi xã Trung Hòa chuyển thành phường, cảnh quan làng Trung Kính Thượng mang những nét rất đặc trưng của nông thôn Việt. Khuôn viên của làng chia làm hai khu chính: *khu cư trú* (làng xóm) và *khu canh tác* (đồng ruộng).

Khu cư trú được chia thành 7 xóm, với tên gọi gắn với cảnh quan địa hình của làng: Giếng, Giữa, Chùa, Đình, Trại (Mả Cóc), Đồng, Cổng Giếng, với công lao khai lập của các dòng họ: Nguyễn, Trần, Ngạc, Phan, Bùi, Đỗ. Trong làng có đình, chùa, miếu. Khuôn viên các gia đình đều có sân rộng lát gạch, xung quanh có vườn, ao, gắn với hàng rào cây. Xung quanh làng được bao bọc bởi những lũy tre xanh với những cổng làng, cây đa, cây gạo... Rìa làng là những con đê đất (hiện giờ là đường Trần Duy Hưng), các con mương dẫn nước, khu gò, khu đồi, vườn - om cây của các cụ, bãi tha ma...

Khu canh tác là những cánh đồng lúa, rau muống, kéo dài từ đầu cầu Trung Hòa xuống mãi tận các làng Phùng Khoang (xã Trung Văn), Mễ Trì.

## 2.2. Làng Trung Kính Thượng từ khi xã Trung Hòa chuyển thành phường

### 2.2.1. Vài nét về phường Trung Hòa

Sau khi được chuyển thành phường, Trung Hòa có tốc độ đô thị hóa nhanh và mạnh hơn hẳn các phường khác, thể hiện ở bốn mặt:

- Thứ nhất, chỉ vài năm sau, toàn bộ 131,9 ha đất nông nghiệp của xã được chuyển thành đất phi nông nghiệp để xây dựng những công trình mang tầm cỡ quốc gia như Trung tâm Hội nghị quốc gia; khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính cùng quần thể biệt thự cao cấp; khu Đô thị mới

Trung Yên, Nam Trung Yên; Siêu thị Big C, Khách sạn Quốc tế năm sao, hồ điều hòa...; trụ sở của nhiều cơ quan Trung - ơng và Hà Nội nh- Kiểm toán Nhà n- ớc, Bộ Khoa học và Công nghệ, Đại học Lao động Th- ơng binh và Xã hội...

- Thứ hai, toàn bộ c- dân - nông dân của ba thôn (Trung Kính Th- ơng, Trung Kính Hạ, Hòa Mục) nhanh chóng trở thành c- dân phi nông nghiệp vì không còn ruộng đất, phải chuyển đổi nghề.

- Thứ ba, dân số tăng cơ học lên rất nhanh. Năm 1997, xã Trung Hòa chỉ có 2.006 hộ với 8.953 dân. Đến năm 2007, ph- ờng Trung Hòa có 6.259 hộ và 25.604 dân (Công an ph- ờng Trung Hòa, 2007).

- Thứ t- , Trung Hòa là điểm nút giao thông quan trọng nối trung tâm Thủ đô Hà Nội với vùng phía Tây của Hà Nội mới đ- ợc mở rộng, bằng trục đ- ờng chính Láng - Hòa Lạc. Trong t- ơng lai, khu vực Trung Hòa - Mỹ Đình sẽ trở thành một trung tâm mới của Thủ đô Hà Nội.

Với những đặc điểm trên, Trung Hòa đã và đang trở thành điểm nóng của những mâu thuẫn, xung đột giữa hai quá trình đô thị hóa - phát triển và truyền thống làng xã đang bị mất đi nhanh chóng.

### 2.2.2. Sự thay đổi môi tr- ờng làng Trung Kính Th- ơng sau khi chuyển thành ph- ờng

*Quá trình đô thị hóa đã làm biến dạng khu c- trú và khu canh tác của xã Trung Hòa. Vốn thuần nhất, giờ đây xã Trung Hòa bị chia cắt thành ba khu riêng biệt: khu đất làng gốc, khu giãn dân mới và khu đô thị mới.* Mỗi khu mang những nét riêng biệt.

- *Khu đất gốc:* các xóm cũ đã bị thay bằng các tổ 19, 20, 21, 25, 26, *hình thể làng xã truyền thống nhanh chóng bị biến dạng.*

Việc mở những con đ- ờng mới và xây dựng những ngôi nhà cao tầng đã khiến cho làng bị bao bọc bởi 4 phía thay cho một phía tr- ớc đây. Phía Đông giáp đ- ờng Nguyễn Ngọc Vũ (đ- ờng cũ), ba con đ- ờng mới mở: phía Tây giáp đ- ờng Nguyễn Thị Định, phía Nam giáp đ- ờng Hoàng Ngân, phía Bắc giáp đ- ờng Trần Duy H- ng.

Trong các tuyến phố bao quanh làng, phố Trần Duy H- ng là tuyến phố sầm uất nhất. Tuy nhiên, việc mở phố này không đem lại nhiều lợi ích cho dân làng Th- ơng, ng- ợc lại, dân làng Hạ lại đ- ợc h- ớng lợi. Nguyên nhân là, phố Trần Duy H- ng bên làng Th- ơng chỉ còn một đoạn ngắn sát cầu Trung Hòa; đến đây trở thành khu đất “đẹp”, đ- ợc thành phố lấy phân cho một số cán bộ của quận với 11 lô nhà liền kề. Hiện thời họ cho thuê cửa hàng với giá hàng chục triệu đồng/tháng. Ngay mặt sau dãy nhà này, nhiều lô đất của làng cũng đ- ợc lấy làm nhà ở cho cán bộ của ngành y tế. Việc này đã không nhận đ- ợc sự đồng thuận của dân làng.

Đ- ờng Nguyễn Thị Định là con đ- ờng đẹp thứ hai sau đ- ờng Trần Duy H- ng; là ranh giới giữa khu c- trú gốc của làng với khu canh tác tr- ớc đây. Cạnh đ- ờng nay là khu đô thị mới. Để có con đ- ờng thẳng, rộng và đẹp, các nhà qui hoạch đã không ngần ngại giải tỏa 74 hộ dân ở xóm Đồng (tổ 26) - là nơi c- trú từ bao đời của dòng họ Đỗ, đến khu đất tái định c- mới ở mặt đ- ờng phía đối diện; đã vấp phải sự phản ứng của khá đông hộ dân, không chỉ vì giá tiền đền bù mà còn vì vấn đề “an c-”. Việc

phân đất tái định c- cũng nảy sinh mâu thuẫn trong nội bộ cộng đồng. Khi ở trong làng, đất của các hộ đều có giá trị nh-nhau, sau khi đến khu tái định c-, sự đồng đều bị phá vỡ. Một số hộ do có ng-ời nắm giữ vị trí trong chính quyền ph-ờng đã “nhanh nhạy với thời cuộc” nên có đ-ợc những lô đất đẹp mặt đ-ờng (có giá trị khoảng 156 triệu đồng/m<sup>2</sup> so với những lô đất trong ngõ chỉ khoảng 70 - 75 triệu đồng/m<sup>2</sup>)<sup>1</sup> và số l-ợng lô đất cũng nhiều hơn những hộ bình th-ờng, do tách hộ (có gia đình do nhiều khẩu đã nhanh chóng tách hộ nên đ-ợc phân tới 3, 4 hay 5 lô đất; mỗi lô khoảng trên d-ới 70 m<sup>2</sup>). Nh- vậy, chỉ sau một dự án làm đ-ờng và tái định c-, sự phân tầng giàu - nghèo đã nhanh chóng trở nên rõ nét trong một bộ phận c- dân của làng Th-ợng. Đây cũng là nguyên nhân của những bất ổn giữa các hộ dân vốn tr-ớc đây cùng một dòng họ, cùng c- trú trong một xóm, làm mất đi niềm tin giữa ng-ời dân và chính quyền.

Đối với nhóm ng-ời trung và cao niên, cuộc sống nơi tái định c- này lại càng khó thích nghi hơn bởi đây là nơi ở mới, xa lạ. Tại nơi ở mới, họ bị giam hãm vào những ngôi nhà ống, không sân, v-ờn, không có nhiều bà con chòm xóm. Nhiều ng-ời đã quay về trong làng để tìm lại cuộc sống cộng đồng làng xóm tr-ớc đây.

Do nhu cầu tiêu thụ của thị tr-ờng và nhu cầu giải quyết công ăn việc làm cho ng-ời dân mất đất, chợ tạm (hay còn gọi là chợ Trung Hòa) đ-ợc xây dựng ngay tại cổng Giêng. Sau vài năm hoạt động, chợ không đem lại hiệu quả nh- mong muốn mà

còn gây ra sự mất trật tự, ồn ào, ô nhiễm môi tr-ờng cho cụm dân c- trong làng bởi các tiêu chí xây dựng chợ không đ-ợc đáp ứng.

*Diện mạo của làng xã không chỉ thay đổi ở vẻ bề ngoài mà cả bên trong.* Đất đai của các gia đình nhanh chóng đ-ợc chia thành từng lô để cho các con xây nhà hoặc bán (số hộ bán đất ở trong làng không nhiều vì ng-ời dân quan niệm là đất của tổ tiên để lại). Những ngôi nhà cao tầng hình ống thay thế cho các ngôi nhà cấp 4 có sân v-ờn rộng rãi tr-ớc đây. Kiến trúc nhà đ-ợc xây theo ý thích và túi tiền của gia chủ nên không tuân theo một mẫu hình nào. Nhìn chung, các hộ gia đình đều cố gắng tận dụng tối đa diện tích để xây dựng, không tính đến những vấn đề về mỹ quan hay sức khỏe. Trên con đ-ờng trục chính làng đã đ-ợc trải nhựa hoặc bê tông hóa, hàng quán mọc ra nh- nấm. Những con đ-ờng làng nhỏ ngoằn ngoèo, có đoạn chỉ rộng hơn 1 mét bị những toà nhà cao tầng xây vút lên hai bên, tạo ra cảm giác nh- đi vào những địa đạo nổi trên mặt đất. Một không gian thoáng đãng mang tính phong thủy của làng xã tr-ớc đây đ-ợc thay bằng sự ngột ngạt bởi xây dựng chắp vá, không qui hoạch, không hạn chế kiến trúc theo chiều cao.

Từ khi có khu đô thị mới, hệ thống thoát n-ớc trong làng hoạt động kém do các m-ơng, máng, hồ ao xung quanh bị lấp và do cốt đất của làng thấp hơn cốt đất đ-ờng phố và các khu đô thị bao quanh. Mỗi khi trời m-a to, đ-ờng làng bị úng tắc, khiến ng-ời dân rất ngại đi ra khỏi nhà.

Nh- vậy, nếu nh- tr-ớc đây không gian của làng và các hộ gia đình đ-ợc mở rộng thoáng đãng nhờ những cánh đồng, sân, v-ờn, hồ ao... thì nay lại bị “bao vây” từ 4

<sup>1</sup> Giá nhà đất thời điểm 9/2008, phỏng vấn Văn phòng nhà đất ở phố Nguyễn Thị Định.

phía bởi các dãy phố nói trên, tạo ra một thế làng bị cô lập, đóng kín, vắng bóng cây xanh. Làng Trung Kính Th- ợng hiện diện cho một kiểu đô thị hóa rất “đặc tr- ợng” của Việt Nam. Đó là, đằng sau những dãy phố ồn ào, sôi động là những làng quê hầu nh- vẫn giữ nguyên “chất nông dân”.

- *Khu đất giãn dân* của làng Th- ợng nằm ở phía Nam của làng, giáp làng Hòa Mục, tr- ớc đây là cánh đồng, bao gồm các tổ 23, 24, 27. Thời kỳ hợp tác xã, đây là khu đất rìa làng cạnh bãi tha ma và v- ườn - ươm cây. Đất giãn dân đ- ợc cấp cho các hộ gia đình đông con trai, gia đình chính sách. Tuy nhiên, sự chuyển đổi loại đất này một lần nữa lại “nằm” trong ý đồ của một số cán bộ xã phụ trách vấn đề này.

Tr- ớc đây, xã Trung Hòa có nhiều đợt phân đất giãn dân cho gần 500 hộ gia đình có đông con trai, gia đình chính sách với diện tích gần chục ha (Ban Chấp hành Đảng bộ ph- ờng Trung Hòa, 2005, tr. 107). Tuy nhiên, trong tổng số đất giãn dân đ- ợc phân, làng Th- ợng đ- ợc ít nhất. Khi lên ph- ờng, đất hết, diện tích đất giãn dân phân lần cuối (năm 2000) có hạn; trong khi đó, đối t- ợng đ- ợc đất lại mở rộng thêm ở những hộ xã viên hợp tác xã ch- a từng đ- ợc phân đất; những hộ đóng góp nhiều ruộng, đất vào hợp tác xã tr- ớc đây... trong ba thôn. Kết quả là nhiều hộ dân của làng Th- ợng thuộc diện trên vẫn không đ- ợc phân đất. Đây là nguyên nhân chính của mâu thuẫn giữa một số hộ dân và chính quyền cơ sở.

Chủ nhân của khu đất giãn dân chủ yếu là các hộ gia đình trẻ, là con trai thứ, bởi từ x- a làng có lệ: con trai cả ở lại trong làng để thờ cúng tổ tiên, con trai thứ là ng- ời ra ở

nơi đất giãn dân. Thời kỳ đầu, đất giãn dân chỉ để ở, không mua bán, trao đổi, bởi thị tr- ờng nhà đất ch- a hình thành và do ng- ời dân ch- a có động cơ để bán. Khi lên ph- ờng, cơ sở hạ tầng đ- ợc đầu t- , đất giãn dân trở thành khu đất đẹp. Ng- ời nội đô và ngoại tỉnh đổ dồn về mua những mảnh đất “rìa làng”. Lúc đầu, đất t- ợng đối rẻ, vì có giá vài chỉ vàng/m<sup>2</sup>, lại tách riêng với khu đất gốc của làng, không chịu ảnh h- ưởng của các phong tục tập quán. Trong khi không có tiền và nghề để sinh sống, các hộ dân làng gốc bị cuốn theo guồng máy của thị tr- ờng bất động sản. *Gần nh- toàn bộ các hộ đ- ợc phân đất khu giãn dân đều bán để lấy tiền xây dựng nhà mới.* Tại các tổ 23, 24, đất giãn dân đ- ợc chia những năm tr- ớc khi lên ph- ờng, diện tích đất rộng, khoảng từ 150 - 180 m<sup>2</sup>/hộ; phần lớn các hộ ở đây là dân làng Th- ợng đều bán một nửa, còn một nửa để xây nhà. Trong khi đó, ở tổ 27, diện tích đất giãn dân chỉ 68 m<sup>2</sup>/hộ (phân năm 2000), nên các hộ dân phải bán hết, dùng số tiền đó để xây nhà trong làng. Theo điều tra của chúng tôi vào tháng 6/2008, có đến 181/226 hộ đ- ợc phân đất giãn dân đã bán đất, chỉ còn lại 45 hộ gốc (làng Th- ợng 32 hộ; làng Hạ 4 hộ, làng Hòa Mục 9 hộ). Điều này cho thấy một thực trạng: các hộ nông dân ở đây rất nghèo, không có tiền để xây dựng nhà mới nên họ phải bán đất, dù họ hoàn toàn không muốn. Nếu bán đất, họ sẽ có tiền để “qui hoạch” lại nơi ở, nơi cho thuê trọ, bằng không họ sẽ không biết lấy gì để sống.

Môi tr- ờng xã hội ở cả khu làng gốc và khu đất giãn dân đều không kém phần phức tạp vì dân số tăng cơ học với c- ờng độ lớn, thành phần c- dân quá phức tạp (sinh viên, dân lao động ngoại tỉnh đến thuê trọ), lại

th- ờng xuyên thay đổi chỗ ở. Tại đây còn có cả những chợ cóc, những gánh hàng rong, những quán ăn đêm, phục vụ sinh viên và lao động ngoại tỉnh. Công an và chính quyền rất vất vả khi quản lý khu vực này phần vì địa bàn ẩn khuất bên sau dãy phố Hoàng Ngân. L- ợng ng- òi và xe đông nh- mắc cửi lúc tan tâm. Sự quá tải về dân số sống trong làng đã đè nặng lên cơ sở hạ tầng (đ- ờng sá, điện, n- ớc sạch, hệ thống chiếu sáng, thoát n- ớc) vốn đã yếu kém...

*- Khu đô thị mới bao gồm khu đô thị mới Trung Hòa- Nhân Chính và các cơ quan, khách sạn, siêu thị...*

Nằm ven sông Tô Lịch, sát cầu Trung Hòa, trong quần thể kiến trúc đô thị hiện đại bậc nhất nhì của Hà Nội với công trình kiến trúc nổi tiếng nh- khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính với những toà tháp cao 34T, 25T, 24T, 17T. Khu đô thị này do chủ đầu t- là Công ty Vinaconex xây dựng trên đất nông nghiệp của làng Th- ợng. Công ty này đ- ợc h- ớng nhiều - u đãi của Nhà n- ớc nh- giá đền bù đất theo giá đất nông nghiệp (chỉ từ 108.000 đồng đến 150.000 đồng/m<sup>2</sup>) (Số liệu của Địa chính ph- ờng). Khi xây dựng xong, chủ đầu t- lại bán theo giá kinh doanh cao gấp vài chục, thậm chí hàng trăm lần, so với giá đền bù và tiền đầu t- xây dựng.

Chủ nhân của khu đô thị này là những th- ơng gia giàu có và tầng lớp trí thức có thu nhập cao. Tại đây có đủ các dịch vụ cao cấp nh- nhà hàng, siêu thị, tr- ờng học, nhà trẻ, bệnh viện, bể bơi, sân quần vợt... Giá của các loại dịch vụ này khá cao, ví dụ nh- tiền học của các tr- ờng mẫu giáo và tr- ờng tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông lên tới trên d- ới 3 triệu đồng/tháng; giá khám

bệnh và giá thuốc của phòng khám Bệnh viện Việt - Pháp cao gấp nhiều lần so với giá các phòng khám ngoài... Sự hình thành khu đô thị mới đã tạo ra một bức tranh t- ơng phản giữa mức sống của khu đô thị và mức sống khu dân c- vừa bị mất đất. Tuy sống kề ngay khu đô thị mới, nh- ng ng- òi làng Th- ợng đã “đứng ngoài” những dịch vụ trên vì giá quá cao so với thu nhập của họ.

Ngoài khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, còn có 37 cơ quan, trụ sở, siêu thị khách sạn mọc lên, đồng nghĩa với việc đất nông nghiệp gắn với công việc đồng áng, với nhịp sống thôn quê bị mất, nh- ờng chỗ cho một cuộc sống đô thị ồn ào, sôi động.

### 2.2.3. Sự biến mất và biến dạng của các công trình văn hóa

Sự biến dạng của hình thể làng xã truyền thống, sự chấp vá của kết cấu cơ sở hạ tầng do không đ- ợc qui hoạch nh- vừa trình bày ở trên đã phần nào cho thấy mặt trái của quá trình đô thị hóa nông thôn. Song, nghiêm trọng hơn nữa là sự biến mất và biến dạng của các công trình văn hóa từ hàng nghìn năm do chính cộng đồng đó tạo dựng nên.

Tr- ớc Cách mạng Tháng Tám 1945, làng Trung Kính Th- ợng có một hệ thống các công trình kiến trúc, tín ng- ỡng - văn hóa gồm đình, chùa, miếu, điện, văn chỉ, cổng làng (một cổng chính và 2 cổng phụ: cổng Đông, cổng Giếng), giếng thoi, giếng đất. Những công trình này không chỉ là bằng chứng sống khẳng định bề dày lịch sử định c- lâu đời mà nó còn gắn với những sinh hoạt cộng đồng làng xã, ăn sâu vào trong tiềm thức của dân làng. Thời kỳ hợp tác hóa, những ấu trĩ tả khuynh trong việc nhìn nhận

giá trị của di sản văn hóa truyền thống đã làm cho làng mất đi các công trình: *Miếu làng, Văn chỉ, cổng Đông*. Các di tích còn sót lại chịu sự “tấn công” ác liệt của công cuộc đô thị hóa:

*Cổng Giềng*, cũng là cổng phụ của làng, ở xóm Giềng, gần chợ Trung Hòa hiện nay; tr-ớc đây là cổng phụ đi ra ruộng đám mạ. Cổng đ-ợc xây dựng năm 1928. Đến năm 2001, cổng bị xuống cấp, sắp đổ, dân làng đã làm đơn đề nghị UBND ph-ờng giữ để tu sửa nh-ng không đ-ợc chấp thuận. Đến nay cổng này bị san phẳng, thửa đất có 3 gian điểm canh cũng bị lấn chiếm.

*Giếng đất*, có đ-ờng kính khoảng 40 - 45m, hình lòng chảo, xung quanh giếng đắp bờ bằng đất. Giếng nằm trên khu vực ruộng Cát, rìa làng; không chỉ dùng làm n-ớc sinh hoạt (dùng để pha trà, uống rất ngon), mà còn tạo ra cảnh phong thủy cho đình làng (đình làng trông thẳng ra giếng cách khoảng 400m). Trong hội làng tr-ớc đây có lễ “r-ớc n-ớc” lấy từ n-ớc giếng đất về làm lễ mọc dục, thổi com để thờ. Cho đến năm 2001, giếng đất vẫn hiện diện nh- một nét văn hóa làng. Tuy nhiên, ngay sau đó, giếng đã bị san phẳng để làm bãi xe của Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

Các di tích văn hóa chỉ còn lại đến ngày nay có đình làng, chùa làng, cổng chính cũng đang bị biến t-óng pha tạp d-ới tác động của con ng-ời.

*Đình làng* đ-ợc xây trên đỉnh gò thoải, tr-ớc kia cao hơn 4m so với khu dân ở xung quanh. Thế đất hình con rùa, hai chân tr-ớc là các đ-ờng làng xuôi về các xóm Giềng, xóm Giếng. Hai chân sau xuôi về xóm Trại, xóm Chùa. Tr-ớc mặt đình là giếng đất.

*Ngôi đình cũ* không rõ niên đại xây dựng do đã bị tiêu thổ kháng chiến 1947, nh-ng đây là ngôi đình cổ, nhiều lần đ-ợc trùng tu vào các năm 1760, 1875...

*Đình hiện nay*, sau khi bị đốt cháy, chính quyền đã cho xây dựng tạm 5 gian trung sở (cấp 4) (từ năm 1957 – 1974), tu sửa lát sân đình và xây t-ờng bao quanh (năm 1992 và năm 1993). Tuy nhiên, diện tích bị thu hẹp nhiều do dân lấn chiếm. Năm 1996, đình đ-ợc đại tu sửa chữa (xây dựng lại 3 gian trung sở, 5 gian đại bái, hai bên tả mạc) theo h-ớng giữ nguyên kiến trúc cổ với tổng kinh phí 120 triệu đồng đ-ợc huy động từ dân làng. Đầu năm 2008, đình đã đ-ợc công nhận là di tích văn hóa. Đi đôi với việc khôi phục lại cảnh quan của đình, các lễ hội cũng đ-ợc tổ chức hàng năm đều đặn vào các ngày 14 tháng Hai (ngày sinh của Thánh) và 12 tháng M-ời (ngày hóa của Thánh). Năm 2000, Ban quản lý di tích ra đời gồm 7 thành viên đại diện cho chính quyền ph-ờng và dân làng, với mục đích bảo vệ các di tích không bị xâm phạm và tổ chức lễ hội đ-ợc chu đáo. Tuy nhiên, đến năm 2001, chính quyền ph-ờng *cho xây dựng Nhà văn hóa ở ngay phía tr-ớc và trong khuôn viên của đình để phục vụ cho các sinh hoạt của các đoàn thể, tổ dân phố*. Việc làm này đã gây phản ứng mạnh mẽ trong dân làng, nhất là những ng-ời có tuổi. Trong tiềm thức dân gian, đình là nơi tôn nghiêm, yên tĩnh để thờ thánh. Tr-ớc kia chỉ có nam giới mới đ-ợc tham gia các hoạt động văn hóa ở đình. Nay, nhà văn hóa tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, thậm chí các đội văn nghệ của thanh niên và phụ nữ còn tập hát và múa tr-ớc cửa đình, làm mất đi vẻ linh thiêng. Tình trạng này không chỉ diễn ra ở

riêng làng Trung Kính Th- ợng mà cả các làng Trung Kính Hạ, Hòa Mục và một số làng ven đô những năm gần đây.

Chùa làng Trung Kính Th- ợng tên chữ là *Diên Phúc tự*<sup>2</sup>, và đã qua nhiều lần trùng tu, lần gần đây nhất là từ năm 1991 đến năm 1995. Sau khi xã chuyển thành ph- ờng, các hạng mục của chùa cũng liên tục đ- ợc xây dựng mới. Chỉ trong 2 năm (2000 - 2001), nhà chùa cho xây mới toàn bộ nhà thờ tổ 7 gian và tòa điện mẫu với kinh phí huy động của dân lên tới 1,6 tỉ. Năm 2004, tu bổ lại chùa chính (Tam bảo). Năm 2008, tiếp tục phá gác chuông cũ để xây mới. Sau khi chùa đ- ợc tu bổ và xây dựng, thấy các pho t- ợng cổ trong chùa nhỏ hơn so với kiến trúc mới nên nhà chùa đã thay toàn bộ các pho t- ợng có kích th- ớc lớn hơn (chỉ giữ lại một pho t- ợng đồng).

Việc liên tục xây mới và sửa chữa đình và chùa trong vài năm gần đây cho thấy sự quan tâm tới các công trình văn hóa tín ng- ỡng của cộng đồng, nhất là đình, chùa. Song việc tu bổ, sửa chữa tới mức liên tục phá cũ xây mới, hoặc vừa xây tr- ớc đó một thời gian ngắn đã phá đi xây lại, cho thấy mục đích của nhà chùa và dân làng chỉ chú ý chạy đua theo kiến trúc bề thế, Khang trang, to đẹp hơn các di tích ở nơi khác chứ không phải là giữ nguyên hiện trạng cổ x- a. Mặt khác, việc thay mới cả những pho t- ợng cổ cho phù hợp với bề thế của ngôi chùa mới đã làm cho chính giá trị cổ của ngôi chùa mất đi.

### 3. Vài lời kết

Đô thị hóa là quá trình tất yếu để xây dựng một cuộc sống văn minh và hiện đại.

Việc đô thị hóa theo ph- ơng thức chuyển các làng xã thành ph- ờng đang diễn ra hiện nay đã và đang có những tác động tích cực và tiêu cực đến môi tr- ờng sống của các làng xã.

Về mặt tích cực, điều dễ thấy nhất đó là tạo nên một diện mạo mới, một cuộc sống mới cho ng- ời dân với cơ sở hạ tầng (điện, đ- ờng, tr- ờng, trạm và hệ thống n- ớc sạch) đ- ợc nâng cấp và hệ quả tiếp theo là đất đai có giá trị kinh tế cao, tăng gấp nhiều lần so với tr- ớc đây.

Song đô thị hóa theo ph- ơng thức chuyển xã thành ph- ờng cũng bộc lộ nhiều mặt bất cập:

- Đô thị hóa không qui hoạch những khu làng xã cũ đang tạo ra những “điểm nóng” hay những “lô cốt” điển hình về thành phần xã hội phức tạp và môi tr- ờng sống lộn xộn với những cảnh nhà trọ và cửa hàng mọc ra nh- nắm sau m- a bởi “nhà nhà” cho thuê trọ, “ng- ời ng- ời” cho thuê cửa hàng (chủ yếu là buôn bán nhỏ, mớ rau, con cá, hàng n- ớc). Điều đó càng làm xé lẻ những kiến trúc tr- ớc đây thành muôn vàn các phòng nhỏ và các cửa hàng nhỏ. Chất l- ợng cuộc sống khu dân c- làng gốc đang đi xuống.

- Việc làng xã tiến lên thành ph- ờng trong những năm qua hầu nh- chỉ trên thủ tục hành chính, còn về thực tế thì nó tự phát đi lên thành đô thị trên cả hai ph- ơng diện: tự phát trong xây dựng “hình thể” của mình và tự phát trong tạo công ăn việc làm, tự cứu lấy cuộc sống của mình. Trong bài viết này mới chỉ đề cập đến khía cạnh thứ nhất, tự phát thành “*phố làng mới*”. Từ đó, đã gây ra những vấn đề bất cập nh- trên đã phân

<sup>2</sup> Các chùa có chữ “Diên” th- ờng đ- ợc xây dựng vào thời Lý.

tích. Để giải quyết triệt để tận gốc vấn đề này, thiết nghĩ các nhà quản lý và hoạch định chính sách tr-ớc mắt phải cải tạo lại các làng xã đã đô thị hóa không có qui hoạch trong 5 quận mới thành lập thời gian qua và phải có những qui hoạch lâu dài tr-ớc khi muốn chuyển các làng xã tiếp theo thành ph-ờng.

Tuy nhiên, việc giải quyết hậu quả thực tế của những “phố làng” nh- làng Th-ợng rất khó khăn do đã không đ-ợc qui hoạch ngay từ đầu. Trong thời gian tới, muốn qui hoạch lại nơi này, có lẽ sẽ phải chuyển một số hộ dân lên các chung c- cao tầng vì quỹ đất của làng đã hết. Song điều quan trọng hơn mà ng-ời dân phải đối mặt là một lối sống mới trong các khu chung c- cao tầng khi họ không có công ăn việc làm nhà n-ớc, thu nhập thấp, lại phải sống xa cộng đồng...

Đối với những làng xã sẽ chuyển thành ph-ờng, trong thời gian tới phải có một kế hoạch qui hoạch tổng thể những làng xã này song song với việc qui hoạch xây dựng những khu đô thị mới, bởi lúc này quỹ đất còn nhiều. Chúng ta có thể qui hoạch những làng xã này bằng cách mở rộng những đ-ờng làng cũ thành những ngõ, phố rộng hơn, giãn dân trong làng ra những lô đất xung quanh. Việc xây dựng nhà cửa phải theo qui hoạch bắt buộc. Nhờ đó, các cửa hàng, cửa hiệu của các hộ gia đình cũng rộng đẹp hơn và giải quyết đ-ợc phần nào công ăn việc làm cho họ. Đồng thời qui hoạch những công viên cây xanh và hồ n-ớc... Tuy Nhà n-ớc phải mất tiền đầu t- lớn, nh-ng trong t-ợng lai, sẽ có lợi bởi không phải qui hoạch lại các khu làng cũ.

Về phân ng-ời dân cũng sẽ đ-ợc lợi khi Nhà n-ớc qui hoạch đ-ờng làng ngõ phố rộng hơn, giá trị đất sẽ tăng hơn nhiều lần, việc buôn bán kinh doanh sẽ thuận lợi hơn bởi môi tr-ờng tiêu thụ mở rộng hơn với bên ngoài chứ không chỉ trong nội bộ làng. Với môi tr-ờng sống đó, ng-ời dân vẫn sống gần cộng đồng của mình, lại tiếp xúc mở hơn với một lối sống đô thị từ bên ngoài.

### Tài liệu tham khảo

1. Ngô V-ợng Anh (1998), “Biến đổi của một làng nông nghiệp ven đô trong quá trình đô thị hoá”, trong: *Thị tr-ờng Việt nam: những hình ảnh du lịch và thực tại*, Hội nghị Quốc tế về nghiên cứu Việt Nam và tăng c-ờng sự hợp tác quốc tế, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ ph-ờng Trung Hòa (2005), *Lịch sử cách mạng Đảng bộ và nhân dân ph-ờng Trung Hòa*, Nxb Hà Nội.
3. Công an ph-ờng Trung Hòa (2007), *Thống kê tổng hợp số liệu tổng kiểm tra định kỳ hộ khẩu từ 15/12/2006 đến 15/12/2007*, bản đánh máy.
4. Bùi Xuân Đính (2006), “Làng Trung Kính Th-ợng”, báo *Hà Nội mới điện tử*, ngày 19 tháng 8 năm 2006.
5. Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên) (2003), *Biến đổi kinh tế xã hội vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa*, Viện Xã hội học, Hà Nội.
6. Đỗ Thịnh (1996), *Di tích và văn vật vùng ven Thăng Long*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.